

DANH SÁCH 605 HỘ GIA ĐÌNH CỦA TỔ 05
ĐƯỢC TẶNG DANH HIỆU “GIA ĐÌNH VĂN HÓA” NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Chủ tịch UBND phường)

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
1.	Bạch Văn Thiệu	
2.	Bùi Diệu	
3.	Bùi Hoa	
4.	Bùi Hoài Ân	
5.	Bùi Khanh	
6.	Bùi Mật	
7.	Bùi Ngọc Anh	
8.	Bùi Ngọc Tâm	
9.	Bùi Phụ Đông	
10.	Bùi Phụ Thắng	
11.	Bùi Tấn Thật	
12.	Bùi Thanh Hoàng	
13.	Bùi Thanh Tuyên	
14.	Bùi Thị Lan	
15.	Bùi Thị Nếp	
16.	Bùi Thị Ngà	
17.	Bùi Thị Nhỡ	
18.	Bùi Thị Quyên	
19.	Bùi Thị Thủy	
20.	Cao Minh Tuấn	
21.	Cao Thanh Đoàn	
22.	Cao Thanh Giám	
23.	Cao Văn Lên	
24.	Cao Văn Quảng	
25.	Đặng Ngọc Hy	
26.	Đặng Ngọc Linh	
27.	Đặng Thị Kim Trinh	
28.	Đặng Văn An	
29.	Đào Minh Thiện	
30.	Đào Quốc Vinh	
31.	Đào Tấn Vinh	
32.	Đào Văn Minh	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
33.	Đào Văn Tiến	
34.	Diệp Văn Hùng	
35.	Đinh Thị Lệ Thu	
36.	Đinh Thị Thương	
37.	Đinh Văn Hoàng Thiện	
38.	Đỗ Cao Phúc	
39.	Đỗ Minh Phúc	
40.	Đỗ Sáu	
41.	Đỗ Thành Tuấn	
42.	Đỗ Thị Bích Thuyên	
43.	Đỗ Thị Thảo	
44.	Đỗ Thị Tiên	
45.	Đỗ Văn Thới	
46.	Đoàn Thiện Khiêm	
47.	Dương Hồng Sỹ	
48.	Dương Tấn Bằng	
49.	Dương Thị Châu	
50.	Dương Thị Hiền Lương	
51.	Dương Thị Niệm	
52.	Hà Tấn Vũ	
53.	Hà Thị Quý Phương	
54.	Hà Văn Thống	
55.	Hồ Ngọc Minh	
56.	Hồ Razol Như Bình	
57.	Hồ Thị Công	
58.	Hồ Thị Hồng	
59.	Hồ Văn Cam	
60.	Hồ Văn Đạt	
61.	Hồ Văn Hạ	
62.	Hoàng Đình Minh Chánh	
63.	Hoàng Đức Tuấn	
64.	Hoàng Ngọc Ảnh	
65.	Hoàng Nguyễn Giang Anh	
66.	Hoàng Trung Nhân	
67.	Hoàng Vinh Quang	
68.	Huỳnh Bạch Cát Quý	
69.	Huỳnh Đặng Hùng	
70.	Huỳnh Đức Hòa	
71.	Huỳnh Hải Nam	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
72.	Huỳnh Nam Á	
73.	Huỳnh Ngọc Sơn	
74.	Huỳnh Sơn Hải	
75.	Huỳnh Thanh Hùng	
76.	Huỳnh Văn Dũng	
77.	Huỳnh Văn Minh	
78.	Huỳnh Văn Rô	
79.	Huỳnh Văn Tùng	
80.	Kiều Thị Chu	
81.	Kiều Văn Dũng	
82.	La Thị Mai	
83.	Lâm Thị Anh Thư	
84.	Lê Anh Vũ	
85.	Lê Anh Vũ (Trà)	
86.	Lê Bình	
87.	Lê Chiêu Vương	
88.	Lê Công Thơ	
89.	Lê Công Truyện	
90.	Lê Đình Dũng	
91.	Lê Duệ	
92.	Lê Dung	
93.	Lê Hải	
94.	Lê Hạnh	
95.	Lê Hoài Vũ	
96.	Lê Hoàng Linh	
97.	Lê Lạc	
98.	Lê Lợi	
99.	Lê Minh Tường	
100.	Lê Minh Huy	
101.	Lê Minh Khải	
102.	Lê Ngọc Hiền	
103.	Lê Phi	
104.	Lê Phương Nam	
105.	Lê Quang Giàu	
106.	Lê Quang Tấn	
107.	Lê Quang Vinh	
108.	Lê Quốc Duy	
109.	Lê Quốc Sỹ	
110.	Lê Tấn Đức	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
111.	Lê Tấn Hà	
112.	Lê Tấn Hải	
113.	Lê Thái Thượng	
114.	Lê Thành Duy	
115.	Lê Thanh Hoàng	
116.	Lê Thành Long	
117.	Lê Thành Văn	
118.	Lê Thế Quyền	
119.	Lê Thị Ánh Hồng	
120.	Lê Thị Bích Hà	
121.	Lê Thị Danh	
122.	Lê Thị Đến`	
123.	Lê Thị Đức	
124.	Lê Thị Hải	
125.	Lê Thị Hoàng Yên	
126.	Lê Thị Hồng	
127.	Lê Thị Kiều	
128.	Lê Thị Kiều Nương	
129.	Lê Thị Lài	
130.	Lê Thị Loan	
131.	Lê Thị Mai	
132.	Lê Thị Một	
133.	Lê Thị Phụ	
134.	Lê Thị Phượng	
135.	Lê Thị Quyên	
136.	Lê Thị Sáu	
137.	Lê Thị Thanh Thúy	
138.	Lê Thị Thế	
139.	Lê Thị Thiên	
140.	Lê Thị Thu Tài	
141.	Lê Thị Thúy Nương	
142.	Lê Thị Trà	
143.	Lê Thị Xuân Viên	
144.	Lê Tiên	
145.	Lê Toàn	
146.	Lê Trọng Lân	
147.	Lê Trung Của	
148.	Lê Trung Nam	
149.	Lê Trung Nhân	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
150.	Lê Trường	
151.	Lê Tư	
152.	Lê Văn	
153.	Lê Văn Công	
154.	Lê Văn Cơ	
155.	Lê Văn Danh	
156.	Lê Văn Diễm	
157.	Lê Văn Hạnh	
158.	Lê Văn Hào	
159.	Lê Văn Hơ	
160.	Lê Văn Hồng	
161.	Lê Văn Kia	
162.	Lê Văn Lân	
163.	Lê Văn Lật	
164.	Lê Văn Long	
165.	Lê Văn Luyện	
166.	Lê Văn Nam	
167.	Lê Văn Nga	
168.	Lê Văn Nghĩa	
169.	Lê Văn Phát	
170.	Lê Văn Quyên	
171.	Lê Văn Sâm	
172.	Lê Văn Sơn	
173.	Lê Văn Sơn - NĐC	
174.	Lê Văn Thành	
175.	Lê Văn Thích	
176.	Lê Văn Trung	
177.	Lê Văn Vân	
178.	Lê Vũ Nghĩa	
179.	Lê Xuân	
180.	Lê Xuân Hưng	
181.	Lữ Ngọc Hồng Lĩnh	
182.	Lương Trí Hiền	
183.	Lưu Quang Khải	
184.	Lưu Quang Khánh	
185.	Lý Đức Kỳ	
186.	Mạc Thạnh	
187.	Mai Đình Thuận	
188.	Mai Hồng Tấn	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
189.	Mai Lê Hoàng Vinh	
190.	Mai Lê Tuấn Hoa	
191.	Mai Quang Đào	
192.	Mai Thị Kim Cúc	
193.	Mai Thị Tào	
194.	Mai Văn Tụ	
195.	Mai Xuân Hợp	
196.	Ngô Đình Hậu	
197.	Ngô Quang Tuấn	
198.	Ngô Thị Luyện	
199.	Ngô Văn Nhân	
200.	Ngô Văn Vinh	
201.	Ngô Xuân Phúc	
202.	Nguyễn Anh Tân	
203.	Nguyễn Anh Tuấn	
204.	Nguyễn Bảo	
205.	Nguyễn Bảy	
206.	Nguyễn Cao Cường	
207.	Nguyễn Cao Hanh	
208.	Nguyễn Chí Đức	
209.	Nguyễn Công Ngoài	
210.	Nguyễn Công Thành	
211.	Nguyễn Đăng Duy	
212.	Nguyễn Đình Bách	
213.	Nguyễn Đình Tuyền	
214.	Nguyễn Đức Duy	
215.	Nguyễn Đức Thắng	
216.	Nguyễn Đức Thanh	
217.	Nguyễn Duy Dịu	
218.	Nguyễn Duy Tân	
219.	Nguyễn Hoàng Bá Việt	
220.	Nguyễn Hoàng Dương	
221.	Nguyễn Hoi	
222.	Nguyễn Hồng Sơn	
223.	Nguyễn Hùng Vỹ	
224.	Nguyễn Hữu Dụng	
225.	Nguyễn Hữu Hà	
226.	Nguyễn Hữu Ngoãn	
227.	Nguyễn Hữu Sơn	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
228.	Nguyễn Hữu Sum	
229.	Nguyễn Hữu Thúc	
230.	Nguyễn Hữu Trung	
231.	Nguyễn Huy Lễ	
232.	Nguyễn Lê Thanh Hoàng	
233.	Nguyễn Lê Vũ	
234.	Nguyễn Lộc Thanh	
235.	Nguyễn Mạnh Hiếu	
236.	Nguyễn Mạnh Hoan	
237.	Nguyễn Minh Hùng	
238.	Nguyễn Minh Long	
239.	Nguyễn Minh Quân	
240.	Nguyễn Minh Tuấn	
241.	Nguyễn Ngọc Chung	
242.	Nguyễn Ngọc Đức	
243.	Nguyễn Ngọc Ngãi	
244.	Nguyễn Ngọc Quang	
245.	Nguyễn Ngọc Tân	
246.	Nguyễn Ngọc Thạch	
247.	Nguyễn Phi Ngọc	
248.	Nguyễn Phi Thọ	
249.	Nguyễn Phong	
250.	Nguyễn Phùng Xuân Thu	
251.	Nguyễn Quang Hải	
252.	Nguyễn Quang Thanh	
253.	Nguyễn Quốc Nam	
254.	Nguyễn Quốc Thịnh	
255.	Nguyễn Quốc Việt	
256.	Nguyễn Quốc Vương	
257.	Nguyễn Sửu	
258.	Nguyễn Tâm	
259.	Nguyễn Tấn Đức	
260.	Nguyễn Tấn Hoàng	
261.	Nguyễn Tấn Thành	
262.	Nguyễn Tấn Tin	
263.	Nguyễn Tấn Viễn	
264.	Nguyễn Thành	
265.	Nguyễn Thành Công	
266.	Nguyễn Thành Duy	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
267.	Nguyễn Thanh Lam	
268.	Nguyễn Thanh Liêm	
269.	Nguyễn Thanh Ngọc	
270.	Nguyễn Thanh Quang	
271.	Nguyễn Thanh Tâm	
272.	Nguyễn Thanh Tịnh	
273.	Nguyễn Thanh Toàn	
274.	Nguyễn Thanh Trà	
275.	Nguyễn Thành Trung	
276.	Nguyễn Thanh Vinh	
277.	Nguyễn Thế Công	
278.	Nguyễn Thị Ánh Hồng	
279.	Nguyễn Thị Bích Quyền	
280.	Nguyễn Thị Bình	
281.	Nguyễn Thị Cẩm Giang	
282.	Nguyễn Thị Cho	
283.	Nguyễn Thị Đồng	
284.	Nguyễn Thị Hà	
285.	Nguyễn Thị Hạnh	
286.	Nguyễn Thị Hiền Ni	
287.	Nguyễn Thị Hương	
288.	Nguyễn Thị Hường	
289.	Nguyễn Thị Kim Ngà	
290.	Nguyễn Thị Lan	
291.	Nguyễn Thị Liên	
292.	Nguyễn Thị Loan	
293.	Nguyễn Thị Mai	
294.	Nguyễn Thị Mai	
295.	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	
296.	Nguyễn Thị Minh Thư	
297.	Nguyễn Thị Ngộ	
298.	Nguyễn Thị Ngọc Linh	
299.	Nguyễn Thị Nhung	
300.	Nguyễn Thị Phương	
301.	Nguyễn Thị Sinh	
302.	Nguyễn Thị Tâm	
303.	Nguyễn Thị Thanh	
304.	Nguyễn Thị Thanh An	
305.	Nguyễn Thị Thanh Thủy	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
306.	Nguyễn Thị Thiêm	
307.	Nguyễn Thị Thu Hiền	
308.	Nguyễn Thị Thuận	
309.	Nguyễn Thới Bình	
310.	Nguyễn Thơm	
311.	Nguyễn Tiến Công	
312.	Nguyễn Tiến Dũng	
313.	Nguyễn Tiến Quân	
314.	Nguyễn Tiến Vũ	
315.	Nguyễn Trần Diệp	
316.	Nguyễn Trần Duy Quang	
317.	Nguyễn Trần Nhật Lệ	
318.	Nguyễn Trọng Tấn	
319.	Nguyễn Trọng Tiên	
320.	Nguyễn Trung Nghĩa	
321.	Nguyễn Trung Trực	
322.	Nguyễn Tuấn Khiêm	
323.	Nguyễn Văn An	
324.	Nguyễn Văn Ân	
325.	Nguyễn Văn Chi	
326.	Nguyễn Văn Danh	
327.	Nguyễn Văn Dĩ	
328.	Nguyễn Văn Dũng	
329.	Nguyễn Văn Long	
330.	Nguyễn Văn Miết	
331.	Nguyễn Văn Minh	
332.	Nguyễn Văn Minh	
333.	Nguyễn Văn Nhân	
334.	Nguyễn Văn Phước	
335.	Nguyễn Văn Thắng	
336.	Nguyễn Văn Thanh	
337.	Nguyễn Văn Thạnh	
338.	Nguyễn Văn Thảo	
339.	Nguyễn Văn Thiện	
340.	Nguyễn Văn Thuận	
341.	Nguyễn Văn Thuận (Bé My)	
342.	Nguyễn Văn Tiên	
343.	Nguyễn Văn Trọng	
344.	Nguyễn Văn Viên	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
345.	Nguyễn Văn Sơn	
346.	Nguyễn Vi Nhân	
347.	Nguyễn Xuân Cường	
348.	Nguyễn Xuân Giám	
349.	Nguyễn Xuân Kỹ	
350.	Nguyễn Xuân Thanh	
351.	Nguyễn Xuân Thành	
352.	Nguyễn Xuân Vĩnh	
353.	Phạm Bá Huệ	
354.	Phạm Bá Lân	
355.	Phạm Bông	
356.	Phạm Cao Vĩ	
357.	Phạm Công Hưng	
358.	Phạm Hồng Quân	
359.	Phạm Hồng Thái	
360.	Phạm Hùng	
361.	Phạm Huy Thông	
362.	Phạm Khuyên	
363.	Phạm Minh Kha	
364.	Phạm Mọn	
365.	Phạm Ngọc Diễm	
366.	Phạm Ngọc Điền Sơn	
367.	Phạm Ngọc Xuân	
368.	Phạm Nhông	
369.	Phạm Phú Linh	
370.	Phạm Quang Sinh	
371.	Phạm Quốc Cường	
372.	Phạm Quốc Vĩnh	
373.	Phạm Tân	
374.	Phạm Tấn Cho	
375.	Phạm Tấn Diệp	
376.	Phạm Tấn Đức	
377.	Phạm Tấn Khiêm	
378.	Phạm Tấn Tuyển	
379.	Phạm Tô Bình Minh	
380.	Phạm Thị Bích Thủy	
381.	Phạm Thị Đào	
382.	Phạm Thị Được	
383.	Phạm Thị Hoàng Hoanh	
384.	Phạm Thị Hồng	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
385.	Phạm Thị Nguyệt	
386.	Phạm Thị Oanh	
387.	Phạm Thị Thanh Hiền	
388.	Phạm Thị Thanh Trang	
389.	Phạm Thị Thanh Trúc	
390.	Phạm Thị Thu	
391.	Phạm Thị Thu Dung	
392.	Phạm Thị Thu Thoa	
393.	Phạm Thị Trúc Mai	
394.	Phạm Thị Vân	
395.	Phạm Thị Xuân	
396.	Phạm Thọ	
397.	Phạm Tiến Hùng	
398.	Phạm Toàn Thắng	
399.	Phạm Trần Ngọc Hưng	
400.	Phạm Trung Bộ	
401.	Phạm Văn Cảnh	
402.	Phạm Văn Đức	
403.	Phạm Văn Hoàng	
404.	Phạm Văn Hưng	
405.	Phạm Văn Tấn	
406.	Phạm Văn Thanh	
407.	Phạm Văn Tuấn	
408.	Phạm Văn Việt	
409.	Phan Chở	
410.	Phan Cường	
411.	Phan Ngọc Anh	
412.	Phan Tân Quang	
413.	Phan Thái Thiệu	
414.	Phan Thành Phương	
415.	Phan Thị Cẩm	
416.	Phan Thị Hòa	
417.	Phan Thị Nhung	
418.	Phan Thị Thục Oanh	
419.	Phan Thiên Minh	
420.	Phan Văn Liệu	
421.	Phan Văn Sỹ	
422.	Phùng Đức Giang	
423.	Phùng Thị Minh Sỹ	
424.	Tạ Công Điền	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
425.	Tạ Công Mạnh	
426.	Tạ Cường	
427.	Tạ Lâm	
428.	Tạ Linh Bảo	
429.	Tạ Ngọc Thiện	
430.	Tạ Nhật Hùng	
431.	Tạ Sơn	
432.	Tạ Thị Hàng	
433.	Tạ Thị Minh Châu	
434.	Tạ Thị Nuôi	
435.	Tạ Thị Thu Mỹ	
436.	Tạ Thị Thủy Tiên	
437.	Tạ Thông	
438.	Tạ Văn Đồng	
439.	Tăng Ngọc Nền	
440.	Tăng Văn Thư	
441.	Thái Bình Phương	
442.	Thái Thị Hồng	
443.	Thái Thị Ngọc Muộn	
444.	Thới Văn Lộc	
445.	Trương Giàu	
446.	Tiêu Thị Hoa	
447.	Tô Ngọc Tấn	
448.	Tôn Long Hải	
449.	Tôn Tịnh Biên	
450.	Trần Anh Pháp	
451.	Trần Anh Thảo	
452.	Trần Anh Tôn	
453.	Trần Danh	
454.	Trần Duy Đi	
455.	Trần Duy Tùng	
456.	Trần Đào	
457.	Trần Đình Nam	
458.	Trần Đình Trường	
459.	Trần Đức Mạnh	
460.	Trần Đức Nhân	
461.	Trần Hồng Phong	
462.	Trần Huệ	
463.	Trần Khuất Quang Sơn	
464.	Trần Lựu	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
465.	Trần Minh Thiện	
466.	Trần Ngọc Huân	
467.	Trần Phong Lan	
468.	Trần Quang Chính	
469.	Trần Quốc Cường	
470.	Trần Quốc Kiệt	
471.	Trần Thanh Lâm	
472.	Trần Thanh Sơn	
473.	Trần Thị Bạch Lan	
474.	Trần Thị Biên Thùy	
475.	Trần Thị Chi	
476.	Trần Thị Kiều Oanh	
477.	Trần Thị Kim Anh	
478.	Trần Thị Lệ Bông	
479.	Trần Thị Mệnh	
480.	Trần Thị Minh	
481.	Trần Thị Minh Hằng	
482.	Trần Thị Minh Hảo	
483.	Trần Thị Minh Hiền	
484.	Trần Thị Tại	
485.	Trần Thị Thanh Hương	
486.	Trần Thị Thanh Phương	
487.	Trần Thị Thu Hường	
488.	Trần Thị Thu Thủy	
489.	Trần Văn Đông	
490.	Trần Văn Dư	
491.	Trần Văn Ký	
492.	Trần Văn Lợi	
493.	Trần Văn Roang	
494.	Trần Văn Thơm	
495.	Trần Văn Thông	
496.	Trần Văn Thu Thảo	
497.	Trần Văn Thuận	
498.	Trần Văn Tuấn	
499.	Trần Vũ Thanh	
500.	Trần Xuân An	
501.	Trần Xuân Tiên	
502.	Trần Xuân Trung	
503.	Triệu Đình Ích	
504.	Triệu Sâm Mùi	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
505.	Trịnh Lương Sơn	
506.	Trịnh Thanh Thủy	
507.	Trịnh Văn Vinh	
508.	Trương Đức	
509.	Trương Hoàng Tú	
510.	Trương Hoàng Tuấn	
511.	Trương Lặng	
512.	Trương Lê Hoài Khanh	
513.	Trương Long	
514.	Trương Ngọc Trai	
515.	Trương Quang Châu	
516.	Trương Quang Giồng	
517.	Trương Quang Lâm	
518.	Trương Quang Nhục	
519.	Trương Quang Vãn	
520.	Trương Sơn	
521.	Trương Thị Ánh Tuyết	
522.	Trương Thị Đang	
523.	Trương Thị Hà – 33/14NĐC	
524.	Trương Thị Hòa	
525.	Trương Thị Hồng	
526.	Trương Thị Kế	
527.	Trương Thị Mai	
528.	Trương Thị Mỹ Lệ	
529.	Trương Thị Ngộ	
530.	Trương Thị Quý	
531.	Trương Thị Sen	
532.	Trương Thị Thanh Hương	
533.	Trương Thị Thanh Tuyền	
534.	Trương Thị Thu Hà	
535.	Trương Thị Thu Hà	
536.	Trương Thị Yên	
537.	Trương Văn Bính	
538.	Trương Văn Khánh	
539.	Trương Văn Luận	
540.	Trương Văn Phô	
541.	Văn Thị Kim Phụng	
542.	Võ Anh Tuấn	
543.	Võ Đặng Nga Tuyết	
544.	Võ Đức Nam	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
545.	Võ Dương Quốc Nhựt	
546.	Võ Dương Tuấn Thương	
547.	Võ Hữu Tích	
548.	Võ Khắc Lương Quang	
549.	Võ Kim Hoàng	
550.	Võ Lánh	
551.	Võ Minh Tâm	
552.	Võ Ngọc Anh	
553.	Võ Nguyên Thành	
554.	Võ Nhật Khang	
555.	Võ Phát	
556.	Võ Phú	
557.	Võ Quang Boon	
558.	Võ Quốc Khánh	
559.	Võ Quyết Chiến	
560.	Võ Thành Duy	
561.	Võ Thành Mên	
562.	Võ Thành Minh	
563.	Võ Thành Sơn	
564.	Võ Thành Tân	
565.	Võ Thành Tuấn	
566.	Võ Thanh Tùng	
567.	Võ Thành Tường	
568.	Võ Thành Tựu	
569.	Võ Thành Tuyên	
570.	Võ Thị Cẩm	
571.	Võ Thị Cưu	
572.	Võ Thị Điệp	
573.	Võ Thị Hồng Diễm	
574.	Võ Thị Hường	
575.	Võ Thị Kim Chính	
576.	Võ Thị Kim Dung	
577.	Võ Thị Lệ Thu	
578.	Võ Thị Minh Quý	
579.	Võ Thị Phương	
580.	Võ Thị Phượng	
581.	Võ Thị Phượng	
582.	Võ Thị Thắng	
583.	Võ Thị Thanh Đạm	
584.	Võ Thị Thời	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
585.	Võ Thị Thu	
586.	Võ Thị Trung	
587.	Võ Thiện Quỳnh	
588.	Võ Trung Thịnh	
589.	Võ Văn Cẩm	
590.	Võ Văn Cửa	
591.	Võ Văn Đông	
592.	Võ Văn Dũng	
593.	Võ Văn Hải	
594.	Võ Văn Lợi	
595.	Võ Văn Lợi (Thành)	
596.	Võ Văn Nen	
597.	Võ Văn Quyết	
598.	Võ Văn Tân	
599.	Võ Văn Thuận	
600.	Vũ Thanh Khiết	
601.	Vũ Thành Phương	
602.	Vũ Thị Hằng	
603.	Vũ Thị Thêm	
604.	Vũ Tiến Đức	
605.	Vũ Tiến Dũng	